



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo Quyết định số/ attachment with decision: /QĐ-VPCNCLQG

ngày tháng 8 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng Kỹ thuật**

Laboratory: **Technical Department**

Cơ quan chủ quản: **Tổng Công ty Mạng lưới Viettel**

Organization: **Viettel Networks Corporation**

Lĩnh vực thử nghiệm: **Điện - Điện tử**

Field of testing: **Electrical - Electronic**

Người quản lý/
Laboratory manager: **Lê Tuấn Anh**

Số hiệu/ Code: **VILAS 1538**

Hiệu lực công nhận/
Period of Validation: **Kể từ ngày /08/2025 đến ngày 29/05/2029**

Địa chỉ/Address: **Lô B1C, cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ,
phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội**

**Lot B1C, handicraft and small industry production cluster,
Cau Giay Ward, Hanoi**

Địa điểm/Location: **Phòng lab Hòa Lạc, xã Yên Xuân, thành phố Hà Nội**

Hoa Lac Laboratory, Yen Xuan Ward, Hanoi

Điện thoại/ Tel: **098 2222 608**

Fax:

E-mail: **anhlt47@viettel.com.vn**

Website:

DANH MỤC PHÉP THỬ NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1538

Lĩnh vực thử nghiệm: **Điện - Điện tử**

Field of testing: **Electrical - Electronic**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Ắc quy Lithium 48 V cho viễn thông <i>Lithium battery</i> <i>48 V for telecommunications</i>	Kiểm tra ngoại quan <i>Visual appearance check</i>	-	YD/T 2344.1-2011 5.3, 6.4
2.		Đo dòng điện nạp ở 25 °C ± 2 °C <i>Measurement of charging current at 25 °C ± 2 °C</i>	0,05 C ₁₀ A/ 0,2 C ₁₀ A/ 1,0 C ₁₀ A	YD/T 2344.1-2011 6.3.1, 6.3.2
3.		Thử dung lượng ắc quy tại chế độ xả trong 1 giờ ở 25 °C ± 2 °C <i>Capacity test in 1 hour rate discharging at 25 °C ± 2 °C</i>	48 V/ 200 A	YD/T 2344.1-2011 6.6, 7.2
4.		Thử dung lượng ắc quy tại chế độ xả trong 3 giờ ở 25 °C ± 2 °C <i>Capacity test in 3 hours rate discharging at 25 °C ± 2 °C</i>	48 V/ 200 A	
5.		Thử dung lượng ắc quy tại chế độ xả trong 10 giờ ở 25 °C ± 2 °C <i>Capacity test in 10 hours rate discharging at 25 °C ± 2 °C</i>	48 V/ 200 A	
6.		Thử dung lượng ắc quy tại chế độ xả 10 giờ ở -10 °C ± 2 °C <i>Capacity test in 10 hours rate discharging at -10 °C ± 2 °C</i>	48 V/ 200 A	
7.		Thử dung lượng ắc quy tại chế độ xả trong 1 giờ ở 40 °C ± 2 °C <i>Capacity test in 1 hour rate discharging at 40 °C ± 2 °C</i>	48 V/ 200 A	
8.		Thử dung lượng ắc quy tại chế độ xả trong 1 giờ ở 55 °C ± 2 °C <i>Capacity test in 1 hour rate discharging at 55 °C ± 2 °C</i>	48 V/ 200 A	

DANH MỤC PHÉP THỬ NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS
VILAS 1538

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
9.	Ắc quy Lithium 48 V cho viễn thông <i>Lithium battery 48 V for telecommunications</i>	Kiểm tra kích thước, khối lượng, hình thức lắp đặt <i>Check dimension, weight, rack mounting type</i>	-	HD.VTNet.ĐL.03/17025 (2024)
10.		Thử dung lượng ắc quy tại chế độ xả 5h ở 25 °C <i>Capacity test in 5h rate discharging at 25 °C</i>	48 V/ 200 A	HD.VTNet.ĐL.03/17025 (2024)
11.		Thử dung lượng ắc quy tại chế độ xả 5h ở 0 °C <i>Capacity test in 5h rate discharging at 0 °C</i>	48 V/ 200 A	HD.VTNet.ĐL.03/17025 (2024)
12.		Thử dung lượng ắc quy tại chế độ xả 5h ở 55 °C <i>Capacity test in 5h rate discharging at 55 °C</i>	48 V/ 200 A	HD.VTNet.ĐL.03/17025 (2024)
13.		Thử dung lượng ắc quy tại chế độ xả 5h ở 25 °C, 95 % RH <i>Capacity test in 5h rate discharging at 25 °C, 95 % RH</i>	48 V/ 200 A	HD.VTNet.ĐL.03/17025 (2024)
14.		Đo nội trở ắc quy <i>Mesurement of internal resistance</i>	60 V/ 3 Ω	HD.VTNet.ĐL.03/17025 (2024)
15.		Kiểm tra độ đồng đều của các cell trong 1 bình (dung lượng, điện áp, nội trở) <i>Check consistency of cell in battery pack (capacity, voltage, internal resistance)</i>	-	HD.VTNet.ĐL.03/17025 (2024)
16.		Kiểm tra hiệu suất nạp của ắc quy <i>Check charge efficiency of battery pack</i>	-	HD.VTNet.ĐL.03/17025 (2024)
17.		Kiểm tra hệ số tự xả của ắc quy <i>Check self discharge of battery pack</i>	-	HD.VTNet.ĐL.03/17025 (2024)

DANH MỤC PHÉP THỬ NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1538

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
18.	Ắc quy Lithium 48 V cho viễn thông <i>Lithium battery 48 V for telecommunications</i>	Kiểm tra số bình ắc quy nối song song <i>Check the battery pack can work in parallel</i>	-	HD.VTNet.ĐL.03/17025 (2024)
19.		Kiểm tra độ tăng nhiệt độ của cell khi nạp / xả ắc quy nhiều chu kỳ <i>Check cell temperature rise during some continuous cycles</i>	-	HD.VTNet.ĐL.03/17025 (2024)
20.		Kiểm tra chức năng cảnh báo, bảo vệ BMS của ắc quy <i>Check warning, protect of BMS on the battery pack</i>	Đến/ To 60 V Đến/ To 200 A Đến/ To 100 °C	HD.VTNet.ĐL.03/17025 (2024)
21.		Đo năng lượng xả <i>Measurement of discharging energy</i>	60 V/ 200 A	HD.VTNet.ĐL.03/17025 (2024)
22.	Thiết bị nguồn - 48 V_{DC} dùng cho thiết bị viễn thông <i>Power equipment - 48 VDC for telecommunications equipment</i>	Đo điện áp vào AC <i>Measurement of AC input voltage</i>	Đến/ To 300 V	TCVN 8687:2011 và/ and HD.VTNet.ĐL.04/17025(2024)
23.		Đo tần số vào AC <i>Measurement of AC input frequency</i>	Đến/ To 70 Hz	
24.		Đo dòng điện vào AC <i>Measurement of AC input current</i>	-	
25.		Đo điện áp ra DC <i>Measurement of DC output voltage</i>	Đến/ To 58 V	
26.		Đo dòng điện ra DC <i>Measurement of DC output current</i>	Đến/ To 65 A	
27.		Đo hệ số công suất của bộ nắn điện <i>Measurement of power factor of rectifier</i>	Đến/ To 0,99	
28.		Đo hiệu suất của bộ nắn điện <i>Measurement of efficiency of rectifier</i>	Đến/ To 99 %	

DANH MỤC PHÉP THỬ NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1538

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
29.	Thiết bị nguồn -48 V_{DC} dùng cho thiết bị viễn thông Power equipment -48 V_{DC} for telecommunications equipment	Đo công suất ra DC <i>Measurement of DC output power</i>	Đến/ To 5000 W	HD.VTNet.ĐL.04/ 17025 (2024)
30.		Kiểm tra dải điện áp làm việc không suy giảm công suất <i>Check the voltage range not derate output rated power</i>	Đến/ To 300 V	HD.VTNet.ĐL.04/ 17025 (2024)
31.		Kiểm tra ngưỡng điện áp phá hủy của rectifier <i>Check the destroy voltage of rectifier</i>	Đến/ To 415 V	HD.VTNet.ĐL.04/ 17025 (2024)
32.		Đo tổng độ méo sóng hài THD điện áp của bộ chỉnh lưu (khởi nấn điện) <i>Measurement of THD of rectifier</i>	Đến/ To 1 000 V Bậc/ Order 50	HD.VTNet.ĐL.04/ 17025 (2024)
33.	Thiết bị nguồn -48 V_{DC} dùng cho thiết bị viễn thông Power equipment -48 V_{DC} for telecommunications equipment	Kiểm tra khả năng phân tải động của rectifier <i>Check the dynamic load dividing ability of rectifier</i>	-	HD.VTNet.ĐL.04/ 17025 (2024)
34.		Kiểm tra khả năng hoạt động trong điều kiện môi trường <i>Check the operation ability of rectifier in environment</i>	-	HD.VTNet.ĐL.04/ 17025 (2024)
35.		Kiểm tra chức năng của khối giám sát điều khiển <i>Check the function of controller</i>	-	HD.VTNet.ĐL.04/ 17025 (2024)
36.		Kiểm tra chức năng BLVD, LLVD <i>Check BLVD, LLVD function</i>	-	HD.VTNet.ĐL.04/ 17025 (2024)
37.		Kiểm tra các cảnh báo của khối giám sát điều khiển <i>Check the alarm of controller</i>	-	HD.VTNet.ĐL.04/ 17025 (2024)
38.		Kiểm tra khả năng cài đặt từ xa các tham số <i>Check the ability of remote setup parameters</i>	-	HD.VTNet.ĐL.04/ 17025 (2024)

DANH MỤC PHÉP THỬ NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1538

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
39.	Tổ máy phát điện xoay chiều dẫn động bởi động cơ đốt trong kiểu pit tông <i>Reciprocating internal combustion engine driven alternating current generating sets</i>	Đo điện áp <i>Measurement of voltage</i>	Đến/ To 1 000 V	TCVN 9729-6:2013
40.		Đo dòng điện <i>Measurement of current</i>	Đến/ To 1 000 A	
41.		Đo tần số <i>Measurement of frequency</i>	(40 ~ 69) Hz	
42.		Đo công suất điện <i>Measurement of active power</i>	Đến/ To 13,2 kW	
43.		Đo độ ồn ở khoảng cách 7 m <i>Measurement of noise at distance of 7 m</i>	Class 2; Đến/To 130 dB	HD.VTNet.ĐL.05/17025 (2024)
44.		Đo tổng độ méo sóng hài THD điện áp của máy phát điện <i>Measurement of THD of genset</i>	Đến/ To 1 000 V Bậc/ Order 50	HD.VTNet.ĐL.05/17025 (2024)
45.		Kiểm tra mức tiêu thụ nhiên liệu <i>Check the fuel consumption</i>	-	HD.VTNet.ĐL.05/17025 (2024)
46.		Kiểm tra khả năng vận hành liên tục <i>Check ability of continuous operation</i>	-	HD.VTNet.ĐL.05/17025 (2024)
47.		Kiểm tra khả năng đóng tải 1 cấp <i>Check one-step load</i>	Đến/ To 12 kW	HD.VTNet.ĐL.05/17025 (2024)

Ghi chú/ Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia Việt Nam/ *Vietnam National standard*;
- YD/T 2344.1-2011: Tiêu chuẩn ngành công nghiệp viễn thông của Trung Quốc/ *China telecommunications industry standard*;
- HD.VTNet.ĐL...: Phương pháp thử nội bộ phòng thí nghiệm / *Laboratory developed method*;
- BMS: Hệ thống giám sát ắc quy/ *Battery Monitoring System*;
- BLVD: Ngắt kết nối điện áp thấp của ắc quy/ *Battery Low Voltage Disconnection*;
- LLVD: Ngắt kết nối điện áp thấp của tải/ *Load Low Voltage Disconnection*;
- Trường hợp Tổng Công ty Mạng lưới Viettel cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Tổng Công ty Mạng lưới Viettel phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Viettel Networks Corporation that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service./* 